

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ M
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Nhân.
- Ông Tôn phước Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Trong ngày 28 tháng 4 N 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 N 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 N 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 N 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thu N, sinh N 1979; địa chỉ: số 24, tổ 01, ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Dương Sĩ Quý, sinh N 1977; địa chỉ: số 24, tổ 01, ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Thu N trình bày: Bà và do mai mối và đi đến hôn nhân N 2003 đăng ký kết hôn tại xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; thời gian đầu sống hạnh phúc đến N 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến N 2022 đến nay không còn sống chung. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bàn yêu cầu

được ly hôn với ông Dương Sĩ Quý, vì tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Quý.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Dương Thị Bích Ngọc, sinh ngày 24/5/2002 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và tên Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh ngày 02/8/2008. Hiện tại đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Quý cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về quan hệ nợ chung*: Bà N trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông Dương Sĩ Quý đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Quý không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Phạm Thị Thu N khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Dương Sĩ Quý. Ông Quý có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

Ông Dương Sĩ Quý đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Quý theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Phạm Thị Thu N và ông Dương Sĩ Quý xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào N 2003 ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà N trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ N 2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà Phạm Thị Thu N xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu N.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Dương Thị Bích Ngọc, sinh ngày 24/5/2002 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và tên Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh ngày 02/8/2008. Hiện tại đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Quý cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 24/02/2023 ghi nhận ý kiến đối với cháu Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh ngày 02/8/2008 thì nguyện vọng cháu Nguyệt khi ba mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì cháu Nguyệt mong muốn sống chung với mẹ là bà Phạm Thị Thu N. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu Nguyệt phát triển tốt về thể chất, tinh thần, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Dương Thị Ánh Nguyệt cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Dương Sĩ Quý không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Quý thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Phạm Thị Thu N khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Thu N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Quý trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Quý vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N.

2) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Thu N được ly hôn với ông Dương Sĩ Quý.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 19/KH, quyển số 01/2003 ngày 21/3/2003 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị Thu N và ông Dương Sĩ Quý. Không còn giá trị pháp lý.

3) *Về quan hệ con chung*: Bà Phạm Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh ngày 02/8/2008. Ông Quý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Dương Sĩ Quý không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Quý thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Thu N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Quý trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Quý vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Phạm Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013233 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Thu N đã nộp đủ.

Ông Dương Sĩ Quý không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- UBND xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh

Chợ M, ngày 28 tháng 4 N 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: về tranh chấp “ly hôn” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thu N, sinh N 1979; địa chỉ: số 24, tổ 01, ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;
2. *Bị đơn*: Ông Dương Sĩ Quý, sinh N 1977; địa chỉ: số 24, tổ 01, ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân.
2. Ông Tôn phước Thuận.

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N.
- 2) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Thu N được ly hôn với ông Dương Sĩ Quý.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19/KH, quyền số 01/2003 ngày 21/3/2003 do Ủy ban nhân dân xã nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị Thu N và ông Dương Sĩ Quý. Không còn giá trị pháp lý.

- 3) *Về quan hệ con chung*: Bà Phạm Thị Thu N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh ngày 02/8/2008. Ông Quý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Dương Sĩ Quý không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Quý thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Thu N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N và ông Quý trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông Quý vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Phạm Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013233 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Thu N đã nộp đủ.

Ông Dương Sĩ Quý không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- UBND xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh